

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 633/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/3/2023

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Mai Hương

Ông Huỳnh Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1747/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Lê Ngọc D, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: 23/12 đường 48, khu phố 6, phường Hiệp Bình, thành phố T, Thành phố H - có đơn vắng mặt;

Bị đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1985

Địa chỉ thường trú: 23/12 đường 48, khu phố 6, phường Hiệp Bình, thành phố T, Thành phố H – có đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Ngọc D và ông Hoàng Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2011 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hợp,

huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, đến tháng 4/2021 thì hai vợ chồng sống ly thân. Nay bà D xin ly hôn lý do không còn tình cảm, không thể sống chung, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ gia đình nên yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Văn H.

Về con chung: có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Tùng H, sinh ngày 09/01/2012 và Hoàng Nguyễn Q, sinh ngày 22/10/2014, ly hôn bà D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết

Nợ chung: không có

Bị đơn ông Hoàng Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân thì ông H trình bày như bà D, ông H đồng ý ly hôn, lý do hai bên không còn khả năng đoàn tụ gia đình, hai bên đã sống riêng và ly thân.

Về con chung: Ông H trình bày như bà D và đồng ý để cho bà D trực tiếp nuôi con và không cấp dưỡng nuôi 02 con chung, ông sẽ tự nguyện cấp dưỡng cho các con ở mức tốt nhất.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết

Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, trong đó có xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Lê Ngọc D và ông Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2011, quyển số 01, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Lê Ngọc D và ông Hoàng Văn H, Hội đồng xét xử thấy mặc dù hai bên đều vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ

án phía nguyên đơn và bị đơn đều xác định trong quá trình chung sống hai vợ chồng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021, vợ chồng không còn chăm sóc, quan tâm, lo cho nhau, bỏ mặc nhau và đều thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Lê Ngọc D và ông Hoàng Văn H là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Lê Ngọc D và ông Hoàng Văn H.

[4] Về con chung: có 02 con chung là Hoàng Nguyễn Tùng H, sinh ngày 09/01/2012 và Hoàng Nguyễn Q, sinh ngày 22/10/2014. Hai bên cùng thống nhất giao bà Nguyễn Lê Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

[6]. Nợ chung: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Lê Ngọc D phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà D đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Lê Ngọc D và ông Hoàng Văn H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Hoàng Nguyễn Tùng H, sinh ngày 09/01/2012 và Hoàng Nguyễn Q, sinh ngày 22/10/2014 cho bà Nguyễn Lê Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hoàng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này; Vì lợi ích con

chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.00 (ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Lê Ngọc D phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà D đã nộp theo biên lai thu số 0027953 ngày 05/7/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng